

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn vốn, đảm bảo chi trả cho dân cư và chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính nhà nước theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, bổ sung, sửa đổi kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

TRẦN VĂN TÁ

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 12/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 hướng dẫn kinh doanh mật hàng rượu.

Thi hành Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa

với nước ngoài, Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về kinh doanh mật hàng rượu, như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Thương nhân hoạt động nhập khẩu, mua bán kể cả làm đại lý mua bán mật hàng rượu (bao gồm rượu nhập khẩu và rượu sản xuất trong nước) phải tuân thủ các quy định của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh rượu thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các quy định có liên quan của Thông tư này.

3. Việc nhập khẩu và mua bán rượu nhập khẩu tại các cửa hàng miễn thuế (Duty Free Shop) theo quy định riêng.

4. Việc kinh doanh các loại rượu thuốc, rượu bổ theo quy định của Bộ Y tế.

II. CÁC LOẠI RƯỢU ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH

Chỉ được kinh doanh, tiêu thụ trên thị trường các loại rượu sau đây:

1. Đối với rượu nhập khẩu đóng chai tại nước ngoài:

1.1. Phải có chứng từ nhập khẩu hợp pháp theo quy định hiện hành.

1.2. Phải có nhãn hàng hóa.

1.3. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

1.4. Đã được dán tem rượu nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

2. Đối với loại rượu đóng chai tại Việt Nam bằng nước cốt rượu nhập khẩu:

2.1. Phải là rượu do các doanh nghiệp có giấy phép sản xuất hoặc giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) nhập khẩu và đóng chai tại Việt Nam theo quy định của Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

2.2. Đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

2.3. Phải có nhãn hàng hóa và trên các loại bao bì, nhãn hàng hóa ngoài phần ghi bằng tiếng nước ngoài còn phải ghi bằng tiếng Việt Nam: tên, địa chỉ doanh nghiệp đóng chai, số giấy phép sản xuất. Không phải dán tem rượu nhập khẩu.

3. Đối với rượu sản xuất trong nước:

3.1. Phải là rượu do các cơ sở có Giấy phép sản xuất.

3.2. Phải đăng ký chất lượng sản phẩm và phải đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

3.3. Phải có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Trên các loại bao bì và nhãn hàng hóa phải ghi rõ: tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, số giấy phép sản xuất, số đăng ký chất lượng sản phẩm và độ cồn trong rượu.

III. VỀ NHẬP KHẨU RƯỢU VÀ KINH DOANH RƯỢU NHẬP KHẨU

Thương nhân nhập khẩu rượu các loại phải có giấy phép nhập khẩu do Bộ Thương mại cấp theo các quy định dưới đây.

1. Nhập khẩu và kinh doanh rượu nhập khẩu đóng chai tại nước ngoài:

1.1. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính

phủ về điều hành xuất nhập khẩu hàng năm và nhu cầu tiêu dùng, Bộ Thương mại quy định số lượng doanh nghiệp nhập khẩu rượu và xem xét cấp giấy phép cho các doanh nghiệp nhập khẩu rượu.

1.2. Năm 1999, Bộ Thương mại cấp giấy phép nhập khẩu rượu cho 20 doanh nghiệp và thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu rượu theo Thông tư số 06/1998/TT-BTM ngày 26/3/1998 của Bộ Thương mại, đã trực tiếp nhập khẩu rượu năm 1998 từ 100.000 USD trở lên và thực hiện đúng các quy định về nhập khẩu và kinh doanh rượu nhập khẩu, được lựa chọn cấp giấy phép nhập khẩu rượu năm 1999.

Các doanh nghiệp trên gửi Báo cáo tình hình nhập khẩu, tiêu thụ rượu năm 1998 về Bộ Thương mại (Vụ Chính sách thị trường trong nước) trước ngày 01 tháng 7 năm 1999, gồm các nội dung cụ thể:

- Kim ngạch nhập khẩu rượu từ ngày 01 tháng 4 năm 1998 đến ngày 31 tháng 3 năm 1999, trong đó kim ngạch nhập ủy thác và nhập trực tiếp để kinh doanh, các loại rượu trên 30 độ cồn, kèm theo bản sao hợp lệ tờ khai hải quan đã thanh khoản các lô hàng nhập khẩu trong thời gian trên.

- Chứng loại, nhãn hiệu và nguồn mua các loại rượu do doanh nghiệp nhập khẩu.

- Tình hình tiêu thụ rượu nhập khẩu: địa bàn tiêu thụ, doanh số bán buôn, bán lẻ và đối tượng bán buôn rượu nhập khẩu.

b) Đối với các doanh nghiệp khác, hồ sơ gửi về Bộ Thương mại (Vụ Chính sách thị trường trong nước) trước ngày 01 tháng 7 năm 1999, gồm:

- Công văn đề nghị nhập khẩu và kinh doanh rượu nhập khẩu.

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Phương án kinh doanh nhập khẩu rượu và tổ chức tiêu thụ rượu nhập khẩu của doanh nghiệp (kim ngạch nhập khẩu trực tiếp trong đó loại rượu trên 30 độ cồn; chủng loại, nhãn hiệu và nguồn mua các loại rượu dự định nhập khẩu; địa bàn và đối tượng tiêu thụ rượu nhập khẩu).

1.3. Trên cơ sở giấy phép nhập khẩu rượu được cấp, các doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan cửa khẩu theo quy định, không phải xin chỉ tiêu của Bộ Thương mại, riêng đối với các loại rượu trên 30 độ cồn, mỗi doanh nghiệp chỉ được nhập khẩu tối đa 150.000 USD/một năm.

1.4. Các doanh nghiệp được cấp giấy phép nhập khẩu rượu phải thực hiện các quy định sau về nhập khẩu và kinh doanh rượu nhập khẩu:

- Nhập khẩu để trực tiếp tiêu thụ theo kế hoạch của doanh nghiệp, không được nhập khẩu ủy thác cho các doanh nghiệp khác dưới bất cứ hình thức nào

- Phải tổ chức được hệ thống kinh doanh, tiêu thụ rượu nhập khẩu của doanh nghiệp trên thị trường và chỉ được bán rượu nhập khẩu cho các doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh rượu theo quy định tại Mục IV Thông tư này.

- Phải báo cáo hàng tháng tình hình nhập khẩu và tiêu thụ rượu nhập khẩu về Bộ Thương mại và Sở Thương mại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính.

1.5. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chuyên kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, khu du lịch được nhập khẩu rượu để bán cho khách sử dụng tại chỗ trong phạm vi khách sạn, nhà hàng ăn uống, khu du lịch của doanh nghiệp, không

được bán ra ngoài thị trường; việc nhập khẩu rượu thực hiện theo các quy định của pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Nhập khẩu và kinh doanh rượu nhập khẩu dưới dạng nước cốt và phụ liệu để đóng chai tại Việt Nam:

2.1. Các doanh nghiệp có đủ các điều kiện dưới đây được Bộ Thương mại xem xét cấp giấy phép nhập khẩu rượu dưới dạng nước cốt và phụ liệu để đóng chai tại Việt Nam trên cơ sở kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (riêng rượu trên 30 độ cồn, Bộ Thương mại quy định chủng loại, giá trị rượu được nhập trong giấy phép nhập khẩu):

- Có Giấy phép sản xuất rượu do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Có Hợp đồng li-xăng (license) với hãng rượu nước ngoài và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

- Có trang thiết bị phù hợp và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

2.2. Hồ sơ gửi về Bộ Thương mại (Vụ Chính sách thị trường trong nước), gồm:

- Công văn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu rượu dạng nước cốt và phụ liệu để đóng chai tại Việt Nam.

- Bản sao hợp lệ giấy phép sản xuất rượu.

- Hợp đồng li-xăng với hãng rượu nước ngoài kèm theo bản kê chủng loại và nhãn hiệu các loại rượu sẽ sản xuất, tiêu thụ tại Việt Nam.

- Tài liệu về trang thiết bị để đóng chai rượu nhập khẩu.

- Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ rượu nhập khẩu của doanh nghiệp.

2.3. Các doanh nghiệp được cấp giấy phép nhập khẩu và kinh doanh rượu dưới dạng này phải thực hiện các quy định sau:

- Nhập khẩu để sản xuất theo kế hoạch của doanh nghiệp, không được nhập khẩu ủy thác cho các doanh nghiệp khác dưới bất cứ hình thức nào.

- Nguyên liệu, phụ liệu nhập khẩu để đóng chai rượu nhập khẩu nếu không sử dụng hết phải tái xuất trả cho nước ngoài, không được bán cho doanh nghiệp khác.

- Phải tổ chức được hệ thống kinh doanh, tiêu thụ rượu do doanh nghiệp sản xuất trên thị trường và chỉ được bán cho các doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh rượu theo quy định tại Mục IV Thông tư này.

- Phải báo cáo hàng tháng tình hình nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ rượu nhập khẩu về Bộ Thương mại và Sở Thương mại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính.

3. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm có nhu cầu nhập khẩu một số loại rượu (đã đóng chai hoặc nước cốt) để làm nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm, không bán rượu ra thị trường thì không phải xin giấy phép nhập khẩu rượu; được nhập khẩu theo nhu cầu sản xuất, chế biến sau khi được Sở Thương mại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính duyệt kế hoạch nhập khẩu rượu hàng năm và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sử dụng sai mục đích.

IV. VỀ KINH DOANH RƯỢU TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Thương nhân chỉ được hoạt động mua, bán hoặc đại lý mua, bán rượu các loại trên thị trường sau khi đã đăng ký kinh doanh và có giấy phép

kinh doanh rượu do Sở Thương mại tỉnh, thành phố cấp theo quy định tại Thông tư này.

2. Để thực hiện việc hạn chế kinh doanh rượu, Sở Thương mại căn cứ tình hình thị trường rượu, tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương, quy định số lượng thương nhân và số lượng điểm bán rượu trên từng địa bàn (thành phố, thị xã, quận, huyện) được cấp giấy phép kinh doanh rượu theo quy định của Thông tư này, thông báo để các thương nhân biết trước khi tổ chức cấp giấy phép. Hàng năm, khi cần thiết Sở Thương mại xem xét, điều chỉnh số lượng trên, thông báo và tổ chức cấp bổ sung.

3. Thương nhân có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Thương mại xem xét cấp giấy phép kinh doanh rượu trong phạm vi số lượng đã được công bố:

3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (phạm vi mặt hàng, ngành nghề kinh doanh có ghi mặt hàng rượu).

3.2. Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

3.3. Đảm bảo vệ sinh môi trường tại các địa điểm kinh doanh rượu.

4. Trình tự và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh rượu quy định như sau:

4.1. Hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh rượu gửi về Sở Thương mại, gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh rượu.
- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Các tài liệu về địa điểm kinh doanh rượu và việc đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Bản kê các loại rượu kinh doanh và nguồn mua các loại rượu đó.

Đối với thương nhân là cá nhân, tổ hợp tác, hộ

gia đình do cơ quan có chức năng quản lý thương mại cấp quận, huyện tiếp nhận hồ sơ, xem xét và đề nghị Sở Thương mại cấp Giấy phép kinh doanh rượu.

4.2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Thương mại căn cứ số lượng thương nhân và địa điểm kinh doanh rượu đã công bố, quyết định việc cấp hay không cấp giấy phép kinh doanh rượu cho thương nhân.

4.3. Đối với thương nhân là doanh nghiệp có nhiều điểm được phép kinh doanh rượu thì cấp một giấy phép kinh doanh rượu cho thương nhân và ghi rõ các địa điểm được kinh doanh rượu trong giấy phép.

4.4. Đối với thương nhân là cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình thì mỗi thương nhân chỉ được kinh doanh rượu tại một địa điểm và chỉ được cấp một giấy phép kinh doanh rượu.

4.5. Thương nhân được cấp giấy phép kinh doanh rượu phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Thương nhân phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định dưới đây khi hoạt động kinh doanh rượu:

5.1. Tại mỗi địa điểm kinh doanh rượu phải niêm yết rõ ràng bản sao hợp lệ giấy phép kinh doanh rượu và chủng loại, giá cả các loại rượu đang có bán.

5.2. Chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định.

5.3. Việc sử dụng đại lý hoặc làm đại lý mua, bán rượu phải thực hiện đúng các quy định về đại lý mua bán hàng hóa tại Mục 6 Chương II Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997.

5.4. Những điều cấm:

- Kinh doanh rượu không có giấy phép kinh

doanh rượu hoặc sai với địa điểm, nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh rượu được cấp.

- Bán các loại rượu nhập lậu hoặc rượu không dán tem rượu nhập khẩu; bán các loại rượu không có giấy phép sản xuất, không đăng ký chất lượng sản phẩm, không có nhãn hàng hóa, không đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- Bán rượu tại các địa điểm: bệnh viện, trường học, công sở, bến tàu, bến xe, nhà ga, sân bay, sân vận động, nhà văn hóa, nhà thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật (trừ việc bán rượu tại các cửa hàng miễn thuế).

- Bán rượu bằng máy bán hàng tự động.

- Bán rượu cho trẻ em dưới 16 tuổi và học sinh phổ thông các cấp.

- Quảng cáo rượu trái với quy định của pháp luật.

- Dùng rượu để khuyến mại hoặc làm giải thưởng cho các cuộc thi.

V. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thương nhân kinh doanh rượu vi phạm các quy định tại Thông tư này tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức nhà nước nếu có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định tại Thông tư này tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 1999, thay thế Thông tư số 06/1998/

TT-BTM ngày 26/3/1998 quy định tạm thời về nhập khẩu rượu năm 1998 và các văn bản trước đây của Bộ Thương mại về kinh doanh rượu.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Sở Thương mại tỉnh, thành phố tổ chức việc cấp giấy phép kinh doanh rượu hoàn thành trước ngày 01 tháng 9 năm 1999; kiểm tra, xử lý các vi phạm đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nghị định số 11/1999/NĐ-CP và các quy định của Thông tư này; báo cáo thường xuyên về Bộ Thương mại kết quả tổ chức thực hiện và phản ánh các khó khăn, vướng mắc để kịp thời bổ sung, điều chỉnh./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

LÊ DANH VĨNH

THÔNG TƯ số 13/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 hướng dẫn kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Thi hành Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cầm lưu thông, dịch vụ thương mại cầm thực hiện, hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, sau khi thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể về kinh doanh dịch vụ cầm đồ, như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ quy định tại Thông tư này là việc thương nhân cho khách hàng vay

tiền và nhận giữ hàng hóa hoặc tài sản của khách hàng để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng cầm đồ.

Hàng hóa, tài sản dùng để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng cầm đồ gọi là hàng hóa, tài sản cầm đồ.

Khách hàng trong dịch vụ này có thể là người sản xuất, kinh doanh hoặc là người tiêu dùng.

2. Thương nhân kinh doanh dịch vụ cầm đồ phải có đủ các điều kiện và phải thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này.

3. Việc sử dụng hàng hóa, tài sản để cầm đồ trong phạm vi Thông tư này theo quy định sau:

3.1. Hàng hóa, tài sản được sử dụng để cầm đồ:

- Phải là động sản, có giá trị mua bán, trao đổi thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng.

- Nếu hàng hóa, tài sản thuộc sở hữu của người thứ ba, phải có giấy ủy quyền hợp pháp của người này cho khách hàng.

- Nếu hàng hóa, tài sản thuộc sở hữu chung của nhiều người, phải có giấy ủy quyền hợp pháp của các đồng sở hữu cho khách hàng.

3.2. Hàng hóa, tài sản không được sử dụng để cầm đồ:

- Hàng hóa, tài sản thuộc sở hữu nhà nước.

- Bất động sản và các giấy tờ liên quan đến bất động sản.

- Hàng hóa thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh, cấm lưu hành hoặc cấm sử dụng.

- Hàng hóa, tài sản đang có sự tranh chấp quyền sở hữu.

- Hàng hóa, tài sản đang bị tạm giữ, niêm phong, phong tỏa theo các quy định của pháp luật.

- Hàng hóa, tài sản đang được thế chấp, bảo lãnh, cầm cố cho nơi khác.